

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Logic Học

ĐỀ TÀI 1 : Phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu
Sinh viên thực hiện : Phạm Đức Anh
Lớp : K22LKTC
Mã sinh viên : 22A4060320

Hà nội, ngày 11 tháng 7 năm 2020

Mục lục

	Trang
Mở đầu	3 - 4
Nội dung.....	5 - 8
Chương I : lí luận	5 - 8
Chương II: liên hệ	9 -12
Kết luận.....	13
Tài liệu tham khảo.....	14

Mở đầu

1. Tính cấp thiết

Logic học là môn khoa học nghiên cứu về cấu trúc của sự suy luận chính xác. Cùng với ngôn ngữ, logic là phương tiện, là công cụ để con người hiểu biết, trao đổi tư tưởng với nhau. Sự xuất hiện của khái niệm mang tính quy luật khách quan của sự hình thành và phát triển tư duy con người. Tuy nhiên, vì thiếu những kiến thức có hệ thống nên không ít người không ý thức rõ sai lầm trong suy luận.

Trong đời sống, tính tất yếu của khái niệm gắn chặt với hoạt động sản xuất vật chất của con người. Trong quá trình này con người thường xuyên phải sử dụng mâu thuẫn không tránh khỏi – giữa sự đa dạng đến vô hạn các đối tượng hiện thực với nhu cầu nắm bắt được chúng nhằm mục đích tác động có hiệu quả lên giới tự nhiên và đời sống xã hội. Muốn vậy thì phải nhận thức và khâu đầu tiên của nhận thức, cũng như phương tiện giải quyết mâu thuẫn là khái niệm.

Khả năng của sự xuất hiện và tồn tại các khái niệm trong tư duy là tính chất vật thể của thế giới xung quanh, tức là sự hiện tồn trong thế giới những đối tượng có tính xác định về chất.

Việc làm rõ nguồn gốc khái niệm cho phép vạch ra bản chất thực sự của nó. Khái niệm – là hình thức cơ bản của tư duy phản ánh gián tiếp và khái quát đối tượng thông qua những dấu hiệu bản chất khác biệt của chúng.

Như vậy, sự phát triển khả năng nhận thức của con người trùng với việc, tư tưởng vận động từ những khái niệm đầu tiên đơn giản nhất đến những khái niệm càng rộng và sâu sắc hơn để phản ánh ngày càng đầy đủ hiện thực hơn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài sẽ hệ thống hóa kiến thức lí luận : phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng : các lỗi logic khi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm

Phạm vi nghiên cứu : tình huống thực tế trong cuộc sống

4. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lí luận : dựa trên các nghiên cứu và các đề tài logic học

Phương pháp nghiên cứu : phương pháp hệ thống hóa, phân tích và tổng hợp

5. Ý nghĩa lí luận và thực tiễn

Ôn tập kiến thức lí luận về phép định nghĩa khái niệm

Vận dụng cơ sở lí luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn khi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm

Nâng cao trình độ tư duy trong học tập nghiên cứu cho sinh viên.

Nội dung

Chương I : Lí luận

Phần 1 : Những vấn đề lí luận về định nghĩa khái niệm

1.1. Bản chất của định nghĩa khái niệm là thao tác logic nhằm vạch ra những dấu hiệu nội hàm cơ bản nhất của khái niệm.

Cần phải định nghĩa khái niệm ở một trong ba trường hợp sau: thứ nhất, tổng kết điểm chủ yếu sau quá trình nhận thức bản chất đối tượng; thứ hai, khi sử dụng những khái niệm mà người khác còn chưa biết nội hàm; thứ ba, khi sử dụng các từ đã biết nhưng lại được dùng ở nghĩa mới.

1.2. Cấu tạo và các chức năng của phép định nghĩa gồm 2 bộ phận:

Khái niệm được định nghĩa (definiendum = Dfd) là khái niệm mà ta phải vạch rõ nội hàm cơ bản của nó ra.

Khái niệm dùng để định nghĩa (definiens = Dfn) là khái niệm có những dấu hiệu chung cơ bản cấu thành nội hàm của khái niệm được định nghĩa.

Mối liên hệ logic giữa khái niệm được định nghĩa và khái niệm dùng để định nghĩa được thể hiện nhờ từ “là” hay dấu gạch ngang.

Chức năng của định nghĩa khái niệm là vạch rõ nội hàm của khái niệm được định nghĩa; phân biệt đối tượng cần định nghĩa với những đối tượng khác.

1.3. Các kiểu định nghĩa

a, Căn cứ vào đối tượng được định nghĩa, thì có 2 kiểu định nghĩa: định nghĩa thực và duy danh.

*Định nghĩa thực là định nghĩa về chính đối tượng đó bằng cách chỉ ra những dấu hiệu cơ bản nhất trong nội hàm của khái niệm được định nghĩa.

*Định nghĩa duy danh là định nghĩa vạch ra nghĩa của từ biểu thị đối tượng.

Như vậy, định nghĩa duy danh chính là thao tác đặt tên cho đối tượng.

b, Căn cứ vào tính chất của khái niệm dùng để định nghĩa thì định nghĩa gồm các kiểu:

*Định nghĩa qua loại gần nhất và khác biệt chủng là kiểu định nghĩa trong đó phải chỉ ra khái niệm loại gần nhất chứa khái niệm cần định nghĩa, rồi sau đó vạch ra những dấu hiệu khác biệt của khái niệm cần định nghĩa so với khái niệm đó.

Nhưng có những khái niệm cần định nghĩa đã là rộng nhất khiến không thể tìm được khái niệm loại của nó; hoặc không tìm được thuộc tính khác biệt đặc thù của đối tượng mà khái niệm cần định nghĩa phản ánh. Trong các trường hợp đó cần phải có những kiểu định nghĩa khác phù hợp hơn.

*Định nghĩa theo quan hệ: là kiểu định nghĩa trong đó người ta chỉ ra một khái niệm đối lập với khái niệm cần định nghĩa và nêu rõ mối quan hệ giữa các đối tượng mà hai khái niệm đó phản ánh. (định nghĩa “vật chất” của V. I. Lênin). Kiểu định nghĩa này thường được dùng khi cần định nghĩa những khái niệm có ngoại diên rộng nhất – các phạm trù.

*Định nghĩa nguồn gốc: là kiểu định nghĩa trong đó người ta vạch ra nguồn gốc hoặc phương thức tạo ra đối tượng mà khái niệm cần định nghĩa phản ánh. Kiểu định nghĩa này có tác dụng làm rõ nguồn gốc phát sinh của đối

tượng. Tuy nhiên, trong thực tế thì không phải bất cứ đối tượng nào cũng có thể chỉ rõ được xuất xứ, nguồn gốc và cách thức sinh thành, vì thế kiểu định nghĩa này chủ yếu hay dùng trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

Ngoài 3 kiểu định nghĩa cơ bản nêu trên, còn có các kiểu định nghĩa sau:

+ Mô tả là định nghĩa bằng cách liệt kê các dấu hiệu khác biệt bên ngoài của đối tượng nhằm phân biệt nó với các đối tượng khác.

+ So sánh là kiểu định nghĩa trong đó dấu hiệu của khái niệm được nêu ra bằng cách so sánh nó với các dấu hiệu tương tự ở khái niệm khác khác đã biết.

1.4.Các quy tắc định nghĩa

a, Định nghĩa phải cân đối: ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa (Dfn) phải trùng với ngoại diên của khái niệm được định nghĩa (Dfd): $D_{fn} \equiv D_{fd}$

Định nghĩa cân đối thể hiện mối quan hệ đồng nhất giữa khái niệm được định nghĩa với khái niệm dùng để định nghĩa.

Vi phạm quy tắc trên sẽ dẫn đến các lỗi sau:

+ Định nghĩa quá rộng : khi $D_{fn} > D_{fd}$, tức là ngoại diên của khái niệm cần định nghĩa bị bao hàm trong ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa.

+ Định nghĩa quá hẹp : khi $D_{fn} < D_{fd}$, lúc này khái niệm dùng để định nghĩa là khái niệm bị bao hàm.

+ Định nghĩa vừa quá rộng, vừa quá hẹp: mang lại khái niệm vừa không bao quát được hết các đối tượng thỏa mãn nội hàm của nó vừa bao gồm cả những đối tượng không thỏa mãn nội hàm của nó.

b, Không được định nghĩa vòng quanh. Đây là kiểu định nghĩa, trong đó khái niệm dùng để định nghĩa lại được xác định nội hàm thông qua khái niệm cần

định nghĩa, hoặc nội hàm của khái niệm cần định nghĩa lại được giải thích thông qua những khái niệm khác mà nội hàm còn chưa rõ ràng.

c, Tránh dùng mệnh đề phủ định trong định nghĩa. Quy tắc này yêu cầu trong một định nghĩa khoa học nên hạn chế việc dùng định nghĩa bằng phủ định (Dfd không là Dfn hoặc Dfd là không phải Dfn). Bởi việc dùng nó rất dễ dẫn đến việc không làm rõ nội hàm của khái niệm được định nghĩa. Trong khoa học chỉ có thể dùng định nghĩa là một mệnh đề phủ định khi phải đồng thời thỏa mãn hai điều kiện:

Thứ nhất, khái niệm dùng để định nghĩa và khái niệm được định nghĩa phải nằm trong quan hệ mâu thuẫn.

Thứ hai, nội hàm của khái niệm dùng để định nghĩa đã được làm rõ bằng định nghĩa khẳng định.

d, Định nghĩa phải tường minh, rõ ràng, chính xác. Quy tắc này yêu cầu những thuật ngữ được sử dụng trong định nghĩa phải ngắn gọn, rõ nghĩa, tránh dùng những từ ngữ mập mờ, đa nghĩa, hoặc là những từ ví von so sánh dễ gây hiểu lầm về đối tượng được định nghĩa.

Việc vận dụng tốt các quy tắc định nghĩa là điều kiện cần, nhưng chưa là đủ để xây dựng các định nghĩa khoa học chặt chẽ phù hợp với hiện thực. Các quy tắc ấy được rút ra trên cơ sở phân tích các định nghĩa “có sẵn”. Vì vậy để có một định nghĩa tốt rất cần phải am hiểu tinh tường về đối tượng.

Chương II : Liên hệ

Phần 2 : Liên hệ các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế

2.1. Liên hệ thực tế

Việc vận dụng tốt các quy tắc định nghĩa là điều kiện cần, nhưng chưa là đủ để xây dựng các định nghĩa khoa học chặt chẽ phù hợp với hiện thực. Các quy tắc ấy được rút ra trên cơ sở phân tích các định nghĩa “có sẵn”. Vì vậy để có một định nghĩa tốt rất cần phải am hiểu tình huống về đối tượng.

Các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế được khái quát như sau:

2.1.1. Định nghĩa không cân đối

***Định nghĩa quá rộng**

“Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong xã hội”. Quan hệ sản xuất(Dfd), quan hệ giữa người với người trong xã hội(Dfn). Định nghĩa này đã mắc lỗi định nghĩa quá rộng($Dfn > Dfd$). Quan hệ giữa người với người trong xã hội vô cùng rộng với nhiều mối quan hệ như quan hệ giữa người với người hình thành trong kinh tế, xã hội, chính trị, pháp luật,... Nó quá rộng trong khi định nghĩa “quan hệ sản xuất” không giải thích rõ được từ định nghĩa .

***Định nghĩa quá hẹp**

Học sinh là những người đang học ở Trường Trung học phổ thông Chuyên Hoàng Văn Thụ. Ở ví dụ này ta thấy nó đang mắc lỗi định nghĩa quá hẹp. Cụ thể ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa “những người đang học ở

trường Trung học phổ thông Chuyên Hoàng Văn Thụ” hẹp hơn ngoại diên của khái niệm được định nghĩa “học sinh” và dĩ nhiên, đã không bao quát hết được những đối tượng thỏa mãn nội hàm của Dfd bởi lẽ học sinh không chỉ bao gồm ở mỗi trường Trung học phổ thông Chuyên Hoàng Văn Thụ mà học sinh còn ở rất nhiều trường như các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đại học mang nhiều tên khác nhau nữa

***Định nghĩa vừa quá rộng vừa quá hẹp**

Bác phụ huynh, các bác lớn tuổi thường hay có câu:” Mấy đứa xăm hình toàn là những đứa hư hỏng. Đây có thể xem là câu gây tranh cãi muôn thuở giữa quan điểm của “phái già” và “giới trẻ”. Chúng ta không phân tích quan điểm của phái nào đúng, sai mà chỉ ra lỗi logic trong câu nói trên. Câu nói đã vi phạm quy tắc định nghĩa là định nghĩa vừa quá rộng vừa quá hẹp. Bởi vì không phải ai xăm mình cũng là người hư hỏng và đâu phải ai hư hỏng cũng đều xăm mình, biểu hiện của nó còn thể hiện ở nhiều khía cạnh nữa. Ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa “những đứa hư hỏng” vừa quá rộng, vừa quá hẹp so với ngoại diên của khái niệm được định nghĩa “mấy đứa xăm mình”, điều này dẫn đến Dfn vừa không bao quát hết được những đối tượng thỏa mãn nội hàm của Dfd vừa bao gồm cả những đối tượng không thỏa mãn nội hàm đó.

2.1.2.Định nghĩa vòng quanh

Chờ đợi là hạnh phúc; hạnh phúc là chờ đợi . Ở đây đang mắc mắc phải lỗi định nghĩa vòng quanh: khái niệm dùng để định nghĩa lại được xác định nội hàm thông qua khái niệm cần được định nghĩa, thậm chí nội hàm của khái niệm cần định nghĩa lại được giải thích thông qua những khái niệm khác mà nội hàm còn chưa rõ ràng.

2.1.3.Dùng mệnh đề phủ định trong định nghĩa

Trong luật học, có định nghĩa về tài sản với hai loại là “động sản” và “bất động sản”, khi định nghĩa “bất động sản là những tài sản không thể di chuyển được, dời đi được”, thì để rút ngắn thao tác trong tư duy khi phải định nghĩa khái niệm “động sản” ta hoàn toàn có thể định nghĩa: “động sản là không phải bất động sản”.

2.1.4. Định nghĩa không tường minh

Có người cho rằng: “Hi vọng là thứ có cánh”. Ở đây đã mắc lỗi logic: định nghĩa chưa rõ ràng, chính xác, chưa nêu rõ được khái niệm ý nghĩa của từ “hy vọng”. Làm cho người đọc hiểu mập mờ ví dụ như hy vọng là lông vũ, hay hy vọng giống con chim có cánh. Mà hy vọng là một trạng thái tinh thần lạc quan dựa trên sự kỳ vọng về kết quả tích cực đối với các sự kiện và hoàn cảnh trong cuộc sống của một người hoặc thế giới nói chung. Hy vọng là một động từ, định nghĩa của nó bao gồm: “mong đợi với sự tự tin” và “để áp ủ một mong muốn”.

2.2. Liên hệ bản thân

2.2.1. Ý nghĩa của định nghĩa khái niệm

Định nghĩa vạch ra bản chất, tính xác định về chất của đối tượng, đồng thời tạo cơ sở cho phép phân chia. Để phân ra được các hình thức của đối tượng, cần xuất phát từ bản chất của nó.

Ngoài ra nó còn vạch rõ nội hàm của khái niệm được định nghĩa; phân biệt đối tượng cần định nghĩa với những định nghĩa khác.

2.2.2.Liên hệ bản thân (đề xuất giải pháp)

Trong cuộc sống hiện nay, việc mắc lỗi logic trong hoạt động giao tiếp hay trong việc định nghĩa các khái niệm là điều hoàn toàn không thể tránh khỏi. Vậy nên chúng ta cần một số giải pháp để khắc phục lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa:

Thứ nhất, để tránh khỏi việc mắc các lỗi logic trong việc sử dụng các khái niệm điều quan trọng là phải tuân theo các quy tắc định nghĩa khái niệm. Tránh trường hợp mắc lỗi nghiêm trọng trước khi định nghĩa hay sử dụng bất kì khái niệm nào chúng ta nên tuân thủ các quy tắc đã được nêu trên ở phần lí luận.

Thứ hai, trong từng hoàn cảnh cụ thể và trong mỗi hoàn cảnh khác nhau việc sử dụng các khái niệm là khác nhau. Vì thế, cần chia nhỏ các khái niệm vào từ hoạt động cụ thể tránh việc định nghĩa sai do không phân tích các vấn đề, khiến định nghĩa nhầm hiểu sai ý.

Thứ ba, cần xem xét đối tượng một cách tổng quát trước khi sử dụng các khái niệm để định nghĩa. Tránh trường hợp ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa quá rộng so với ngoại diên khái niệm được định nghĩa.

Thứ tư, từ ngữ khi định nghĩa các khái niệm phải rõ ràng một nghĩa, không sử dụng các từ ngữ mang cảm thán để định nghĩa một khái niệm khoa học.

Thứ năm, để có thể cải thiện được suy nghĩ, cách sử dụng ngôn ngữ hiệu quả ta nên nhận thức được tầm quan trọng của bộ môn logic, ngoài ra có thể tạo ra các câu lạc bộ, các buổi ngoại khóa nói liên quan đến môn học.

Kết luận

Bản chất của định nghĩa khái niệm: là thao tác logic nhằm vạch ra những dấu hiệu cơ bản nhất của nội hàm khái niệm. Dấu hiệu cơ bản nhất là những dấu hiệu quy định bản chất của đối tượng nhận thức, làm căn cứ để suy ra các dấu hiệu khác của đối tượng, đồng thời giúp ta phân biệt được đối tượng cần định nghĩa với đối tượng khác.

Cũng cần lưu ý rằng nếu một khái niệm bao giờ cũng phải thể hiện thông qua ngôn ngữ thì nhiệm vụ khác của định nghĩa chính là làm rõ nghĩa của từ, của thuật ngữ. Như vậy, tư duy dùng đến thao tác định nghĩa khái niệm trong hai trường hợp: hoặc khi cần tổng kết những mặt bản chất của đối tượng nhận thức, hoặc khi cần làm rõ nghĩa của thuật ngữ để sử dụng.

Tóm lại, cơ sở khách quan của định nghĩa chính là sự xác định về chất của đối tượng hiện thực. Xét đến dùng định nghĩa phải giải đáp: đối tượng cần định nghĩa là gì? Khái niệm cần phải được định nghĩa ở một trong ba trường hợp: thứ nhất, tổng kết điểm chủ yếu sau sự nhận thức của bản chất đối tượng; thứ hai, cần định nghĩa khi sử dụng những khái niệm mà người khác còn chưa biết nội hàm; thứ ba, định nghĩa cũng cần khi sử dụng các từ đã biết nhưng lại được dùng ở nghĩa mới.

Bài tiểu luận của em với mong muốn là hạn chế được một phần các lỗi khi vi phạm quy tắc định nghĩa và để mọi người cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm suy luận.

Tài liệu tham khảo

- 1. Giáo trình Logic học Đại cương, Hà nội 2006, trang 2 – 18.**